TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày 30 - 10 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Vũ Văn Long

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Q; sinh ngày 19 tháng 8 năm 1994; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn P (Chết); con bà: Trương Thị X; tiền sự: Ngày 06/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/5/2024, tạm giam từ ngày 08/5/2024 cho đến nay. Có mặt.

2. Quách Xuân M; sinh ngày 01 tháng 8 năm 1995; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quách Văn T; con bà: Nguyễn Thị P1; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/3/2024, tạm giam từ ngày 30/3/2024 cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Đình T1; sinh ngày 10 tháng 6 năm 1995; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình B; con bà: Nguyễn Thị V; có vợ là Y H và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 26/9/2019 bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 242/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2020; bị tạm giữ từ ngày 03/6/2024, tạm giam từ ngày 06/6/2024 cho đến nay. Có mặt.

4. Phạm Đăng C; sinh ngày 08 tháng 3 năm 1989; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Đăng T2 (Chết); con bà: Phạm Thị P2; có vợ là Phạm Thị T3 và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 10/7/2007, bị Công an huyện C, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, đã chấp hành xong ngày 11/7/2007; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/6/2024 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Quách Xuân M:* Bà Lê Thị Thu V1, Trợ giúp viên pháp lý, chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Bị hại:* Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện N: Ông Bùi Huy T4; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T4: Ông Phạm Văn Đ; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn N: Ông Phạm Văn Đ; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N. Có mặt.

2. Anh Quách Văn C1; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Bà Trương Thị X; sinh năm: 1965; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào ngày 07/3/2024, Quách Xuân M, trú tại thôn T, xã T, huyện T đến nhà Phạm Văn Q, ở thôn T, xã C, huyện C chơi, khoảng 17 giờ cùng ngày Q nói với M đi cùng với Q một lúc thì M đồng ý, khi đi Q có mang theo một con dao bài. Sau đó M và Q sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A của M đi

đến cầu Làng N thuộc địa phận phố T, thị trấn N, huyện N thì dừng lại, Q nói với M đứng ở trên cầu canh chừng người qua lại, còn Q cầm dao đi xuống chân cầu chặt dây cáp điện ở hai cây cột điện chiếu sáng bên đường, khi chặt xong một đầu dây Q đưa dao cho M để chặt tiếp một đầu dây còn lại, Q chặt đoạn dây điện vừa trộm được thành 2 đoạn. Sau đó Q điều khiển xe mô tô chở M ngồi sau ôm một đoạn dây đem về thôn T, xã C, huyện C bán cho Phạm Đăng C, số lượng là 40kg bán được 1.600.000đ; Q và M tiếp tục quay lại cầu Làng N lấy đoạn còn lại, đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bán đoạn thứ hai 60kg với giá 2.400.000đ. Tổng số tiền bán được là 4.000.000đ. Số tiền trộm được sau khi chi tiêu vào mục đích chung, thì Q còn cho M 500.000đ.

Ngoài ra, Phạm Văn Q và đồng phạm còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 02 năm 2024, Phạm Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius không nhớ biển kiểm soát của mình chở Nguyễn Đình T1 ở thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đi đến khu vực cầu T thuộc địa phận khu phố H, thị trấn N trộm cắp dây cáp điện. Đến nơi Q đưa kìm cắt dây điện (đã chuẩn bị sẵn) cho T1 bảo T1 cắt dây cáp điện nối ở trên cầu, T1 cắt xong thì đưa kìm cho Q cắt dây ở đầu cầu bên này, sau đó bỏ vào bì rồi mang đến nhà Phạm Đăng C trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa bán. Lúc đầu hỏi bán C nói là để anh xem dây như thế nào (nhưng đang còn ngập ngừng), Q tiếp tục nói dây này lấy ở N xa lắm anh yên tâm lấy cho em đi (dây trộm cắp) thì C đồng ý mua. Giá bán 40.000đ/kg bán được 1.600.000đ. Số tiền trên chia đều cho Q và T1.

Vụ thứ hai: Sau lần trộm ngày đầu tiên 01 ngày, khoảng 23 giờ, Q và T1 điều khiển xe mô tô không nhớ biển kiểm soát của Q đến khu vực cầu T thuộc khu phố H, thị trấn N để cắt trộm dây cáp điện, Q ở trên đường cảnh giới còn T1 trực tiếp dùng búa và dao (chuẩn bị sẵn) chặt dây điện. Chặt xong Q và T1 bỏ dây vào bì, vứt dao và búa ở bên đường rồi tiếp tục mang bán cho Phạm Đăng C, do đã mua bán trước đó rồi nên hai bên không trao đổi nhiều nữa mà cân lên được 40kg rồi tính tiền luôn, lần này Q cũng bán được với số tiền khoảng 1.600.000đ. Số tiền trên chia đều cho Q và T1.

Vụ thứ ba: Sau lần trộm thứ hai từ 2-3 ngày, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius không nhớ biển kiểm soát của mình chở H1 ở huyện T tiếp tục trộm ở gần khu vực cầu T thuộc khu phố H, thị trấn N gần chỗ trộm cắp lần thứ hai, lần này Q là người trực tiếp chặt dây, Q sử dụng dao và búa Q mang sẵn từ nhà đi để chặt dây, sau khi chặt xong thì bỏ vào bì mang đi bán, đến khoảng hơn 23 giờ Q đến nhà C cân được 40kg bán được số tiền 1.600.000đ. Số tiền trên chia đều cho Q và H1.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 28/3/2024 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: 65 (Sáu mươi lăm) mét dây cáp điện ngầm loại Cadisun có vỏ bên ngoài bằng nhựa màu đen bên trong có 4 lõi đồng, mã sản phẩm: Cu-XLPE-PVC/DSTA/PVC-0,6/1Kv-3x16+1x10mm^2, đã qua sử dụng, đoạn dây bị mất trộm tại khu phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

có tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 07/3/2024: 12.458.333đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2024 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: 66 (Sáu mươi sáu) mét dây cáp điện ngầm loại Cadisun có vỏ bên ngoài bằng nhựa màu đen bên trong có 4 lõi đồng, mã sản phẩm: Cu-XLPE-PVC/DSTA/PVC-0,6/1Kv-3x16+1x10mm^2, đã qua sử dụng dây bị mất trộm tại khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có tổng giá trị tài sản tại thời điểm tháng 02/2024: 12.650.022đ (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn không trăm hai mươi hai đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2024 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: 40 (Bốn mươi) mét dây cáp điện ngầm loại Cadisun có vỏ bên ngoài bằng nhựa màu đen bên trong có 4 lõi đồng, mã sản phẩm: Cu-XLPE-PVC/DSTA/PVC-0,6/1Kv-3x16+1x10mm^2, đã qua sử dụng đoạn dây bị mất trộm tại khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có tổng giá trị tài sản tại thời điểm tháng 02/2024: 7.666.680đ (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2024 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: 40 (Bốn mươi) mét dây cáp điện ngầm loại Cadisun có vỏ bên ngoài bằng nhựa màu đen bên trong có 4 lõi đồng, mã sản phẩm: Cu-XLPE-PVC/DSTA/PVC-0,6/1Kv-3x16+1x10mm^2, đã qua sử dụng đoạn dây bị mất trộm tại khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có tổng giá trị tài sản tại thời điểm tháng 02/2024: 7.666.680đ (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 40.440.000đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Anh Quách Văn C1 yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường chiếc xe mô tô số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 58/CT-VKS-NL ngày 09 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Phạm Văn Q, bị cáo Quách Xuân M và bị cáo Nguyễn Đình T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS); bị cáo Phạm Đăng C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của BLHS.

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo Phạm Văn Q mức án từ 24 tháng đến 27 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo Quách Xuân M mức án từ 09 tháng đến 12

tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T1 mức án từ 10 tháng đến 13 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo Phạm Đăng C mức án từ 10 tháng đến 13 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Đình T1 và Phạm Đăng C không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định, bị cáo Quách Xuân M thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Phạm Văn Đ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá, cụ thể như sau: Bị cáo Q và bị cáo M liên đới bồi thường số tiền là 12.458.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng); bị cáo Q và bị cáo T1 liên đới bồi thường số tiền là 12.650.000đ (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); bị cáo Q bồi thường số tiền là 15.332.000đ (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng). Các bị cáo đều thống nhất bồi thường số tiền trên, đề nghị công nhận sự thoả thuận giữa các bên, buộc mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá số tiền là: bị cáo Q bồi thường 27.886.000đ, bị cáo M bồi thường 6.229.000đ, bị cáo T1 bồi thường 6.325.000đ.

Anh Quách Văn C1 yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường chiếc xe mô tô cho anh số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bị cáo thống nhất bồi thường số tiền trên, đề nghị công nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh C1 số tiền là 20.000.000đ.

Về vật chứng: Đề nghị truy thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Đăng C là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước. Được trừ vào số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc theo Biên lai thu tiền số 0001929 ngày 19/8/2024. Công nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính.

Các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Đình T1 và Phạm Đăng C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo Quách Xuân M thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát. Bị cáo Q đồng ý bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá 27.886.000đ và anh C1 20.000.000đ, bị cáo M đồng ý bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá 6.229.000đ, bị cáo T1 đồng ý bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh

Thanh Hoá 6.325.000đ.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và bà Trương Thị X đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát.

Ông Phạm Văn Đ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá, cụ thể như sau: Bị cáo Q và bị cáo M liên đới bồi thường số tiền là 12.458.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng); bị cáo Q và bị cáo T1 liên đới bồi thường số tiền là 12.650.000đ (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); bị cáo Q bồi thường số tiền là 15.332.000đ (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Quách Văn C1 thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát. Anh yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường chiếc xe mô tô cho anh số tiền là 20.000.000đ.

Ý kiến trình bày của người bào chữa cho bị cáo Quách Xuân M: Thống nhất với tội danh mà đại diện VKSND đã truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã áp dụng cho bị cáo. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, nhận thức còn hạn chế. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo. Công nhận bị cáo Q trực tiếp bồi thường chiếc xe mô tô cho anh C1 số tiền là 20.000.000đ.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến ngày 07/3/2024, lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản Phạm Văn Q cùng Quách Xuân M, Nguyễn Đình T1 và người có tên H1 ở huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện 04 vụ trộm cắp dây cáp điện của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tại khu phố H và khu phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa với tổng giá trị tài sản tại thời điểm trộm cắp là 40.441.715đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm mười

lăm đồng); Quách Xuân M cùng Phạm Văn Q đã thực hiện 01 vụ trộm cắp dây cáp điện của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tại khu phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, giá trị tài sản tại thời điểm trộm cắp là 12.458.333đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); Nguyễn Đình T1 cùng Phạm Văn Q đã thực hiện 01 vụ trộm cắp dây cáp điện của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tại khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, giá trị tài sản tại thời điểm trộm cắp là 12.650.022đ (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn không trăm hai mươi hai đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn Q, bị cáo Quách Xuân M và bị cáo Nguyễn Đình T1 đã có hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến ngày 07/3/2024, tại Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, Phạm Đăng C biết dây cáp điện là tài sản mà Phạm Văn Q và đồng phạm đã trộm cắp được nhưng vẫn đồng ý mua lại tài sản trên 05 lần. Tổng giá trị tài sản bị cáo nhận tiêu thụ là 40.441.715đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm mười lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

[3] Xét vai trò đồng phạm trong tội Trộm cắp tài sản: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo Phạm Văn Q là người khởi xướng và đi tiêu thụ tài sản, rủ rê bị cáo Quách Xuân M, Nguyễn Đình T1 đi trộm cắp tài sản, nên có vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo Quách Xuân M, Nguyễn Đình T1 từng bị cáo độc lập đi trộm cắp tài sản với bị cáo Q nên có vai trò thứ hai, ngang nhau trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 03 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khai ra hành vi trộm cắp tài sản trong tháng 02/2024 trước khi bị phát hiện, đầu thú quy định tại r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Quách Xuân M phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 03 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Đình T1 phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Phạm Đăng C phạm tội 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở

lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 04 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, có thân nhân là người có công với nước, tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính quy định tại s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Bị cáo Q đang có tiền sự; bị cáo M thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú và tụ tập, gặp gỡ các đối tượng nghiện; bị cáo T1 có nhân thân xấu; bị cáo C phạm tội 02 lần trở lên và chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với Điều 38 BLHS. Thời gian các bị cáo Q, M và T1 bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Đình T1 và Phạm Đăng C không có tài sản nào có giá trị, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; bị cáo Quách Xuân M thuộc hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Phạm Văn Đ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá, cụ thể như sau: Bị cáo Q và bị cáo M liên đới bồi thường số tiền là 12.458.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng); bị cáo Q và bị cáo T1 liên đới bồi thường số tiền là 12.650.000đ (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); bị cáo Q bồi thường hai lần trộm cắp số tiền là 15.332.000đ (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng). Các bị cáo đồng ý với mức bồi thường đó nên công nhận sự thoả thuận giữa các bên. Buộc bị cáo Q và M liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N 12.458.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là 6.229.000đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng). Buộc bị cáo Q và T1 liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N 12.650.000đ (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là 6.325.000đ (Sáu triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Do không chứng minh được các đồng phạm, bị cáo Q phải tự bồi thường hai lần trộm cắp là 15.332.000đ (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo Q phải bồi thường là 27.886.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Anh Quách Văn C1 yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường chiếc xe mô tô mà bị cáo đã bán cho anh số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bị cáo Q, bị cáo M đều thống nhất bồi thường số tiền đó và bồi thường trực tiếp cho anh C1 nên

công nhận sự tự nguyện thoả thuận của các bên, buộc bị cáo Q phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh C1 số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

[8] Về vật chứng:

Số dây cáp điện ngầm loại Cadisun có vỏ bên ngoài bằng nhựa màu đen bên trong có 4 lõi đồng, mã sản phẩm: Cu-XLPE-PVC/DSTA/PVC-0,6/1Kv-3x16+1x10mm^2, đã qua sử dụng và bì đựng dây cáp điện, bị cáo Phạm Đăng C đã bán cho người thu mua sắt vụn; chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius không nhớ biển kiểm soát đã cũ nát, bị cáo Q đã bán cho người thu mua sắt vụn, quá trình điều tra không xác định được người thu mua sắt vụn; bút thử điện, kìm cắt điện, búa, dao là các dụng cụ các bị cáo sử dụng cắt dây cáp điện đã rơi, ném ven đường không xác định được địa chỉ cụ thể; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, biển kiểm soát 36AE-030.72 của anh C1, bị cáo Q đã bán ở thành phố Hà Nội, không nhớ địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được các vật chứng như trên.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Đăng C là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước. Được trừ vào số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc theo Biên lai thu tiền số 0001929 ngày 19/8/2024. Công nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Đình T1 và Phạm Đăng C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Quách Xuân M thuộc hộ cận nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí. Vì vậy miễn án phí cho bị cáo.

[10] Theo lời khai của bị cáo Phạm Văn Q về người tên H1 ở huyện T, tỉnh Thanh Hóa đi trộm cắp cùng với bị cáo. Bị cáo không biết họ tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này cũng không có ai chứng kiến việc trộm cắp tài sản của bị cáo và người tên H1. Hiện chưa đủ căn cứ để xử lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ xử lý sau. HĐXX đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Theo lời khai của bị cáo Phạm Văn Q: Nguyễn Đình T1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo 02 lần. Tuy nhiên, bị cáo T1 chỉ thừa nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo Q 01 lần là lần trộm cắp dây cáp điện ở cầu T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành xác minh, làm rõ nhưng không đủ căn cứ để xử lý hành vi trộm cắp tài sản lần thứ hai đối với bị cáo T1 theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với hành vi anh Quách Văn C1: Anh không biết bị cáo M mượn xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với anh

C1 là có căn cứ.

[13] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Phạm Văn Q 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 05/5/2024).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo Quách Xuân M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Quách Xuân M 10 (Mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 21/3/2024).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Nguyễn Đình T1 11 (Mười một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 03/6/2024).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Đăng C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt Phạm Đăng C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Q và bị cáo M liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá là 12.458.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là 6.229.000đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo Q và bị cáo T1 liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện

N, tỉnh Thanh Hoá là 12.650.000đ (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là 6.325.000đ (Sáu triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Q phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá là 15.332.000đ (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Tổng số tiền bị cáo Q phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá là 27.886.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Buộc bị cáo Q phải bồi thường cho anh Quách Văn C1 số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Từ khi Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá, anh C1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền bồi thường thiệt hại, hàng tháng bị cáo Q, bị cáo M, bị cáo T1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Truy thu của bị cáo Phạm Đăng C số tiền là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc theo Biên lai thu tiền số 0001929 ngày 19/8/2024. Công nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền bị truy thu.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Bị cáo Phạm Văn Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.394.000đ (Hai triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đình T1 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 316.000đ (Ba trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Đăng C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Quách Xuân M.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo phần bản án này có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án này có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA huyện Ngọc Lặc;
- CQTHAHS CA huyện Ngọc Lặc;
- Nhà tạm giữ CA huyện Vĩnh Lộc;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Thịnh